

Số: /KH-UBND

Sơn Lang, ngày 10 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn xã Sơn Lang

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ – UBND ngày 03/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia lai V/v công nhận xã Sơn Lang đạt chuẩn nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ – UBND ngày 06/11/2022 của UBND tỉnh Gia lai V/v Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Kế hoạch số 1833/KH-UBND, ngày 27/12/2022 của UBND huyện Kbang "về triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Kbang";

Ủy ban nhân dân xã Sơn Lang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến cuối năm 2025 xã Sơn Lang đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao.

II. HIỆN TRẠNG THEO BỘ TIÊU CHÍ XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2023 -2025

Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới nâng cao được ban hành theo Quyết định số 711/QĐ – UBND ngày 06/11/2022 của UBND tỉnh Gia lai, trên địa bàn xã đạt 4/19 tiêu chí (tiêu chí số 3, 4, 7, 19), cụ thể như sau:

1. Tiêu chí số 1 – Quy hoạch

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch

Hiện nay, xã đang phối hợp đơn vị tư vấn triển khai thực hiện quy hoạch chung xã Sơn Langgiai đoạn 2022 - 2032

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch: Đạt

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên

Hiện nay, xã đang phối hợp đơn vị tư vấn triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Sơn Langgiai đoạn 2022 – 2032

→ So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM nâng cao: **Chưa đạt**

2. Tiêu chí số 2 – Giao thông

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định

Tỷ lệ nhựa hóa/bê tông hóa đạt 100% trên tổng số đường trục xã: 40km, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, làng và đường liên thôn, làng

Đường liên thôn, làng: tổng số 6,3 km, số km bê tông hóa đạt chuẩn 6,3 km đạt 100% so với tổng số: Đạt

Đường thôn, làng: Tổng số 12,44 km, số km bê tông hóa đạt chuẩn 12/12,44 km đạt 96,46% so với tổng số: Chưa đạt.

Các tuyến đường thôn, làng và đường liên thôn, làng đều có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: Đạt

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp $\geq 85\%$:

+ Đường ngõ, xóm: Tổng số 9,1 km, số km sạch, không lầy lội vào mùa mưa, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp : 8,5/9,1 km, đạt 85,7 % so với tổng số: Đạt.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa $\geq 85\%$

+ Đường trục chính nội đồng: Tổng số 16,9 km; Số km được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện: 13,9 km, đạt 82.24% so với tổng số: Chưa đạt

→ So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 2 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM: nâng cao: **Chưa đạt**

3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:

Trên địa bàn xã có 4 công trình thủy lợi vừa và nhỏ (*Thủy lợi Đăk Phan, Thủy lợi Suối trà, thủy lợi Thôn 2, Thủy lợi Sắt*) để phục vụ tưới cho 80 ha đất gieo trồng sản xuất nông nghiệp (*chủ yếu là cây lúa nước*). Theo đánh giá tại thời

điểm rà soát diện tích đất gieo trồng được tưới chủ động là 80ha, chiếm tỷ lệ 94,11% diện tích tưới. Đánh giá đạt theo quy định $\geq 90\%$.

Tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa là: 5.168,4/ 10.172 m, đạt tỷ lệ 50,8 %.

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững

Trên địa bàn xã có 04 Tổ thủy lợi cơ sở được thành lập đầu năm 2022, các tổ thủy lợi đều hoạt động hiệu quả, đảm bảo cung cấp đủ nước tưới tiêu cho 80 ha đất gieo trồng sản xuất nông nghiệp.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 15\%$: Đạt

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi

Xã không có nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi.

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ

Ban Chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã thường xuyên được quan tâm củng cố, kiện toàn; đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai tại địa phương.

Các hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh.

Cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai. Đạt.

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Đạt.**

4. Tiêu chí số 4 – Điện

Xã có hệ thống điện từ nguồn lưới điện Quốc gia với đường dây chính 220kv; có 9 trạm biến áp phân phối cung cấp đủ nhu cầu điện cho các hộ dân bằng các đường dây hạ áp và được mắc vào công tơ đo điện trước khi phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của các hộ dân đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định 99%.

→ Đánh giá theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Đạt.**

5. Tiêu chí 5: Giáo dục

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2

Trên địa bàn xã có 3 cấp học tương ứng với 4 cơ sở trường học gồm: (Trường mẫu giáo Sơn Lang, Trường tiểu học Sơn Lang, Trường Tiểu học & Trung học cơ sở Trạm lập, Trường Trung học cơ sở & Trung học phổ thông Kon Hà Nừng).

- Hiện nay mới chỉ có 2/4 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó Trường mẫu giáo Sơn Lang đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, Trường tiểu học Sơn Lang đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Đánh giá theo bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao: Chưa đạt.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS

- Các trường trên địa bàn xã đã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3. Đánh giá đạt theo quy định.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2

- Tỷ lệ biết chữ mức độ 2 của người lớn (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi đạt 95%. Đánh giá đạt theo quy định $\geq 90\%$.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá: Đạt

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền

Xã chưa có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa đạt.**

6. Tiêu chí số 6 – Văn hóa

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên

* Trung tâm văn hóa – thể thao xã:

- Diện tích quy hoạch: Xã đã quy hoạch trung tâm văn hóa xã với diện tích 600m² và khu thể thao xã với diện tích 750m² đảm bảo đạt theo các quy định từ 200m² và 500m².

- Quy mô xây dựng: Đã xây dựng hội trường văn hóa có sức chứa trên 150 chỗ ngồi (cao hơn quy định là từ 100 chỗ ngồi). Tuy nhiên chỉ mới xây dựng hội trường chưa xây dựng nhà chức năng (quy định 4 phòng), các công trình thể thao và các công trình phụ trợ như khu để xe....

- Trang thiết bị: Hội trường nhà văn hóa đã được trang bị bàn ghế, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng và đài truyền thanh, đạt 80% quy định. Hiện nay xã còn thiếu dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng địa phương vì chưa có công trình thể dục thể thao.

- Cơ cấu tổ chức: Trung tâm văn hóa thể thao xã Sơn Lang được thành lập theo Quyết định số 665/QĐ-UBND, ngày 28/8/2019 của UBND huyện. Nhà văn hóa xã đã có Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm và cộng tác viên đảm bảo theo quy định.

- Hoạt động văn hóa văn nghệ: Hàng năm xã chỉ mới tổ chức 2-3 cuộc tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị chưa đảm bảo yêu cầu là tối thiểu 4 cuộc/năm. Nhưng xã thường xuyên tổ chức các hội diễn văn nghệ, liên hoan, các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa và bảo tồn văn hóa dân tộc thu hút trên 20% dân số tham gia. Dù vậy xã vẫn chưa thành lập các câu lạc bộ thể thao duy trì hoạt động thường xuyên mà chỉ mới dừng lại ở các nhóm chơi thể thao theo sở thích.

- Hoạt động thể thao: Hàng năm trung tâm xã có tổ chức các hoạt động thể dục thể thao tuy nhiên do kinh phí hạn chế nên chỉ mới tổ chức được từ 1 – 2

cuộc/năm; vì thế số lượng nhân dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên chỉ đạt mức 15%/tổng số dân.

- Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em: hiện nay trên địa bàn chưa có địa điểm để tổ chức vui chơi giải trí cho trẻ em.

- Chỉ đạo nghiệp vụ: UBND xã chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể các thôn, làng, chưa thành lập được bộ máy quản lý, tổ chức hoạt động.

- * Nhà văn hóa – khu thể thao thôn hoặc liên thôn:

- Diện tích quy hoạch: Hiện toàn xã có 9/9 thôn, làng có diện tích quy hoạch nhà văn hóa đảm bảo theo quy định từ 100m² trở lên và khu thể thao từ 200m² trở lên; 9/9 thôn, làng có nhà văn hóa phục vụ cộng đồng.

- Quy mô xây dựng: Tất cả 9/9 thôn, làng đã xây dựng nhà văn hóa đảm bảo theo quy định từ 50 chỗ ngồi trở lên, sân khấu trên 15m² và có sân tập thể thao từ 200m², 100% số nhà văn hóa có cổng tường rào, các công trình phụ trợ theo quy định như nhà vệ sinh, vườn hoa....

- Trang thiết bị: Hiện nay các thôn, làng đã được trang bị đầy đủ các trang thiết bị của Hội trường Nhà văn hóa, như Bộ trang âm, bàn, ghế phục vụ vụ sinh hoạt. Hầu hết các thôn, làng đều có một số dụng cụ thể thao phổ thông và dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.

- Chưa đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định là Ngân sách địa phương hỗ trợ 60% và nhân dân đóng góp hoặc xã hội hóa 40%.

- Các nhà văn hóa thôn, làng đều có chủ nhiệm hoặc cộng tác viên theo quy định.

- Các nhà văn hóa thôn, làng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật và thu hút trên 30% tổng số dân tham gia, đảm bảo theo quy định nhưng chưa có các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em.

- * Xã chưa có mô hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định

Trên địa bàn xã không có các di sản văn hóa.

6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới

Hiện nay trên địa bàn xã có 7/9 thôn làng đạt chuẩn văn hóa, chiếm 77,78% và 01/9 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 11,11% (chưa đạt theo quy định là 15%).

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa đạt**

7. Tiêu chí số 7- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: Xã có Chợ hoạt động kinh doanh buôn bán thực phẩm, nhu yếu phẩm, đảm bảo nhu cầu thiết yếu của người dân

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao : **Đạt.**

8. Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông.

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Chưa đạt.

8.2. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh

8.3. Có dịch vụ báo chí, truyền thông

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:

- Về cơ sở vật chất: toàn xã có 20 bộ máy vi tính đáp ứng trên 3/4 số cán bộ công chức xã được sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời toàn bộ hệ thống máy vi tính của xã từ cơ quan Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMT TQVN xã đều được kết nối internet.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành:

Được sự đầu tư của UBND huyện trong hoạt động thực hiện cải cách hành chính nên xã được cung cấp một hệ thống quản lý văn bản điều hành liên thông và một hộp thư công vụ điện tử với địa chỉ ubndsonlang.kbang@gialai.gov.vn để gửi/ tiếp nhận văn bản chỉ đạo, điều hành qua hệ thống internet. Đạt yêu cầu quy định.

- Xã có trang thông tin điện tử riêng để phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp thông tin. Đạt yêu cầu quy định.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng: Chưa đạt

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao: **Chưa đạt.**

9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư.

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn xã hiện nay mới được 79%. Chưa đạt chuẩn theo quy định $\geq 80\%$.

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa đạt**

10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập.

Theo kết quả tổng điều tra thu nhập năm 2022 thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã đạt 43,14 triệu đồng/người/năm, chưa đạt theo quy định là 52 triệu đồng/người/năm.

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa Đạt.**

11. Tiêu chí số 11 – Nghèo đa chiều

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025: Kết quả điều tra theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn xã đến cuối năm 2022 là 6,67 % (tương đương 81 hộ). Chưa đạt theo quy định (5%)

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa Đạt.**

12. Tiêu chí số 12 - Lao động

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): Trên địa bàn xã đạt 60%. Chưa đạt theo quy định (75%).

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): Trên địa bàn xã đạt 20%. Chưa đạt theo quy định (75%).

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn xã 90%. Đạt theo quy định (>39%).

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa đạt**

13. Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

13.1. Có Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết sản xuất ổn định.

Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp xã Sơn Lang được thành lập năm 2018 và hoạt động chưa mang lại hiệu quả; đồng thời chưa có hợp đồng liên kết sản xuất ổn định.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn đạt chuẩn hoặc tương đương: Chưa đạt

13.3. Có mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình áp dụng cơ giới hóa các khâu trong sản xuất gắn với sản xuất an toàn thực phẩm.

Năm 2018 xã có 3 mô hình hệ thống tưới nước nhỏ giọt, đến nay mô hình này đã được triển khai trên diện rộng mà mang lại hiệu quả cao.

Năm 2021 xã đã triển khai thực hiện mô hình Vietgap trên cây cam, quýt cho 21 hộ tại xã với tổng diện tích 15 ha (trong đó cây cam 9,75 ha, cây quýt 5,25 ha) và hiện nay vẫn đang tiếp tục duy trì: Đạt

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: chưa có

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử; 1%. Chưa đạt theo quy định ($\geq 10\%$)

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Chưa có

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Đạt

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường): Chưa có

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa Đạt.**

14. Tiêu chí số 14 - Y tế

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế:

Theo số liệu điều tra đến cuối năm 2022 tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của người dân trên địa bàn là: 65,07%. Chưa đạt theo quy định $\geq 95\%$.

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):

Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe trên địa bàn xã hiện nay chỉ đạt 10%, chưa đạt theo quy định ($\geq 90\%$).

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): Chưa có.

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 20%, chưa đạt theo quy định ($\geq 70\%$).

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa Đạt.**

15. Tiêu chí số 15- Hành chính công

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

Hiện nay xã đã có hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoạt động ổn định, hiệu quả giúp việc gửi, nhận văn bản trong hoạt động chỉ đạo điều hành được nhanh chóng, giúp tiết kiệm thời gian xử lý công việc, tiết kiệm chi phí... Hiện nay, tất cả các loại văn bản của UBND xã (trừ văn bản mật) được ký số và gửi, nhận giữa các cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hộp thư điện tử công vụ (ubndsonlang.kbang@gialai.gov.vn) của xã đã thường xuyên được sử dụng, đảm bảo an toàn thông tin.

Triển khai các phần mềm ứng dụng phục vụ công việc như: Phần mềm kế toán misa bamboo Net 2015, Quản lý tài sản Misa, Quản lý hộ tịch Misa, Quản lý bản đồ Microstations.....

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên

Hiện nay, dịch vụ công trực tuyến của xã chỉ đạt mức độ 1 (đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về quy trình, thủ tục; hồ sơ; thời hạn; phí và lệ phí thực hiện nhiệm vụ) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009.

Đánh giá độ: Chưa đạt theo quy định

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: Đạt

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa đạt**

16. Tiếp cận pháp luật

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động được công nhận: chưa có

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành trong năm 2022 hòa giải thành công 9/10 vụ, đạt 90%. Đánh giá đạt theo quy định ($\geq 90\%$)

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý biết và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100%. Đánh giá đạt theo quy định ($\geq 90\%$).

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa đạt.**

17. Tiêu chí 17: Môi trường

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Đạt

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã đạt 100%.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định (quy định $\geq 80\%$)

Xã chưa có các phương án để thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng mà mới chỉ có Phương án để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh nhưng Điểm tập kết chất thải rắn trong khu dân cư lại chưa đảm bảo hợp vệ sinh.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (quy định $\geq 30\%$)

Do đặc thù tại các điểm làng được sử dụng chung một nguồn nước sinh hoạt tập trung (*hệ thống nước tự chảy*), nhiều hộ gia đình cùng sử dụng chung 1 trụ vòi cấp nước nên tại các hộ gia đình không có hố tiêu thoát nước thải gia đình cũng như chưa có các hoạt động khơi thông cống rãnh thoát nước tại các trụ vòi cấp nước tập trung.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn (quy định $\geq 50\%$)

Hiện nay, trên địa bàn xã chưa triển khai thực hiện hướng dẫn cho các hộ gia đình phân loại rác tại nguồn.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Xã chưa thực hiện phân loại rác thải chất thải rắn nguy hại chưa được xử lý đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường (quy định $\geq 80\%$)

Chưa thực hiện.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường chỉ đạt 67,02%. Chưa đảm bảo theo yêu cầu quy định $\geq 75\%$.

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch

- Do phong tục tập quán của địa phương nên hiện nay ở tất cả 9/9 thôn, làng trên địa bàn xã đều có quỹ đất quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài và thực hiện chôn cất (mai táng người chết) đúng theo quy định không xảy ra hiện tượng chôn cất ngoài khu vực quy hoạch cũng như không có trường hợp chôn chung nhiều người trong một nhà mồ. Vị trí quy hoạch đảm bảo cách xã khu dân cư tối thiểu 100m và không làm ảnh hưởng đến mỹ quan khu dân cư. Đạt so với quy định.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (quy định $\geq 5\%$)

Xã không có cơ sở thực hiện dịch vụ hỏa táng..

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (quy định $\geq 4m^2$ /người): Đạt

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (quy định $\geq 50\%$):

Người dân trên địa bàn xã mới tự chủ động phân loại, lựa chọn các loại chai, lọ bằng nhựa, kim loại để bán cho người thu mua phế liệu để tái chế được khoảng 40% số rác thải nhựa trên địa bàn.

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa Đạt.**

18. Tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung

Hiện nay, trên địa bàn xã chỉ có 02 công trình cấp nước đang hoạt động (hệ thống nước tự chảy làng Đăk A Sêl, làng Srát), các hộ dân còn lại trên địa bàn xã đều sử dụng nguồn nước từ các giếng khoan, giếng đào; nhìn chung trên địa bàn xã có 98% dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh.

Xã không có công trình cấp nước tập trung

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm (quy định ≥ 60 lít)

Xã không có công trình cấp nước tập trung.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững

Xã không có công trình cấp nước tập trung.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Đạt

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm:

Xã không có cơ sở chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch: Xã có tỷ lệ hộ đồng bào DTTS Bahnar nhiều nên đa số các hộ gia đình chưa có nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh theo yêu cầu. Chưa có hệ thống tiêu, thoát nước thải đảm bảo, hiện toàn xã chỉ có 70,06% hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, chưa đảm bảo yêu cầu quy định $\geq 80\%$.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: chưa đạt

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí NTM nâng cao: **Chưa Đạt.**

19. Tiêu chí 19: Quốc Phòng và An ninh.

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân

Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh rộng khắp và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng:

- Công tác Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ, quốc phòng ở cơ sở: Hàng năm Xây dựng, ban hành Nghị quyết Đảng ủy để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, tổ chức Hội nghị triển khai, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng thể trận quốc phòng, an ninh, thực hiện đủ các chỉ tiêu cấp trên giao về tập huấn, bồi dưỡng và rèn luyện kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo thẩm quyền do Chính phủ quy định (*Đối tượng 4, thanh niên và tuyên truyền phổ biến kiến thức quốc phòng, an ninh toàn dân*).

- Xây dựng Ban chỉ huy quân sự và dân quân tự vệ xã: Ban chỉ huy quân sự xã được thành lập theo đúng quy định hướng dẫn có 4 đồng chí gồm: Chỉ huy trưởng là thành viên Ủy ban nhân dân xã; 02 đồng chí Chỉ huy phó, 01 đồng chí

Chính trị viên. Tỷ lệ Đảng viên trong Dân quân nông cốt đạt từ 18% trở lên, Ban chỉ huy quân sự xã có phòng làm việc riêng và trang thiết bị theo quy định của pháp luật. Mặc dù, Chỉ huy trưởng có trình độ đại học, nhưng 02 chỉ huy phó chưa được đào tạo trung cấp ngành quân sự trở lên, cán bộ Ban chỉ huy quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS được hưởng, các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của Luật dân quân tự vệ chưa đảm bảo được các yêu cầu của tiêu chí.

- Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp": Đã Đạt chuẩn theo quy định, cụ thể : Có tổ chức biên chế đơn vị dân quân tự vệ, được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, hàng năm các đối tượng dân quân nông cốt đều được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, hàng năm, tổ chức, kết nạp dân quân mới từ 25%-30% trong tổng số lực lượng dân quân và trao quyết định công nhận dân quân nông cốt đã hoàn thành nghĩa vụ đưa vào đăng ký quản lý dân quân rộng rãi.

- Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng: Đã đạt chuẩn theo quy định, cụ thể: Có đầy đủ các kế hoạch theo quy định, Thường xuyên tuyên truyền vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hàng năm theo chỉ tiêu Chủ tịch UBND huyện giao, bảo đảm chất lượng; 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương đều được đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị và được quản lý chặt chẽ; 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật đều được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân huyện giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh, hàng năm tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý, công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân; đăng ký nghĩa vụ quân sự công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ và lập danh sách báo cáo Ban Chỉ huy quân sự huyện theo quy định của pháp luật, phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho lực lượng vũ trang và nhân dân, công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội...

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tan nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, có hiệu quả

Về an ninh trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (*ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút*) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước: Đã đạt chuẩn, cụ thể:

- Hàng năm, Đảng ủy có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự và triển khai, thực hiện hiệu quả duy trì ổn định bền vững ANTT trên địa bàn; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Không xảy ra các hoạt động:

- + Chống phá Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại Đoàn kết dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, gây rối ANTT...

+ Khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái luật, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội

- Thực hiện tốt các hoạt động phòng ngừa, các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác:

+ Không để xảy ra trọng án trên địa bàn; không có công dân của xã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; Nếu xảy ra tội phạm phải được phát hiện và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời.

+ Kiểm chế, làm giảm các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện...) và phi phạm pháp luật khác so với năm trước.

+ Không để xảy ra cháy nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của xã gây ra ở địa bàn.

- Hằng năm lực lượng công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên; không có cá nhân bị kỷ luật hình thức cảnh cáo trở lên. Lực lượng công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ công an.

- Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc: Đạt

- UBND xã đã quan tâm chỉ đạo Công an xã xây dựng mô hình: “*tổ tự quản về An ninh trật tự và an toàn giao thông*” ở 9/9 thôn, làng; hiện nay mô hình này đang phát huy hiệu quả, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã và đầu năm 2021 tiếp tục xây dựng thêm 01 mô hình “*làng 3 không*” với nội dung “*không để hoạt động phát triển đạo trái pháp luật, không hút thuốc lá lậu, không ma túy*” tại làng Hà Lâm; hiện tại các mô hình này đều hoạt động có hiệu quả.

→ Đánh giá tiêu chí theo quy định bộ tiêu chí: **Đạt.**

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TỪNG TIÊU CHÍ ĐỂ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Quy hoạch

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo quy hoạch đã được phê duyệt. Phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức xây dựng quy hoạch chi tiết khu vực trung tâm xã giai đoạn 2023-2032.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội (tiêu chí số 2, 3,4,5,6,7,8,9)

2.1. Giao thông (tiêu chí số 2)

- Cải tạo nâng cấp hoặc xây dựng mới đường giao thông nông thôn đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ giao thông vận tải đảm bảo đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa; phát triển đồng bộ mạng lưới giao thông các thôn, làng với mạng lưới giao thông của xã, tạo sự liên hoàn thông suốt, an toàn. Đảm bảo lưu thông, vận chuyển các mặt hàng nông sản từ nơi sản xuất tới nơi tiêu thụ một cách thuận lợi, nhanh chóng.

- Giai đoạn 2023-2025 đầu tư làm mới, nâng cấp mở rộng 4,6 km đường giao thông cụ thể:

+ *Các công trình được đầu tư từ nguồn kinh phí đã được huy động, gồm:*

- Nâng cấp mở rộng 0,7 km mặt đường trung tâm xã, hệ thống thoát nước, láng nhựa với tổng kinh phí 7.500 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh, huyện xã.

- Bê tông xi măng hóa 0,5 km đường đi khu sản xuất Đăk Phan (đoạn Hà Lâm – Điện Biên) với tổng kinh phí 745,6 triệu đồng (trong đó vốn từ chương trình nông thôn mới 671 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp 74,6 triệu đồng)

- Bê tông xi măng hóa 0,5 km đường đi khu sản xuất thôn Hợp Thành (đoạn nhà Thao Cảnh đi hồ B) với tổng kinh phí 666,7 triệu đồng (trong đó vốn từ chương trình nông thôn mới 600 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp 66,7 triệu đồng)

- Bê tông xi măng hóa 0,4 km đường đi khu sản xuất làng Điện Biên (đoạn nhà ông Drớ đi đến cầu Điện Biên) với tổng kinh phí 555,6 triệu đồng (trong đó vốn từ chương trình nông thôn mới 500 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp 55,6 triệu đồng)

- Bê tông xi măng hóa 0,4 km đường đi khu sản xuất cánh đồng Kram (đoạn nhà ông Giám đi đến cánh đồng Kram) với tổng kinh phí 573,3 triệu đồng (trong đó vốn từ chương trình nông thôn mới 516 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp 57,3 triệu đồng).

+ Các công trình cần được tiếp tục huy động, đề nghị hỗ trợ

- Bê tông xi măng 3km đường nội đồng làng Hà Lâm (với tổng kinh phí 4.000 triệu đồng (nguồn vốn tín dụng, vốn ODA và các nguồn hợp pháp khác 4.000 triệu đồng)

- Bê tông xi măng 0,6 km đường nội đồng cánh đồng suối Trà với tổng kinh phí 1.000 triệu đồng (trong đó dự kiến đề nghị tỉnh hỗ trợ 500 triệu đồng, ngân sách địa phương 500 triệu đồng)

- Bê tông xi măng 0,5km đường nội đồng cánh đồng Điện Biên với tổng kinh phí 800 triệu đồng (trong đó dự kiến đề nghị tỉnh hỗ trợ 800 triệu đồng, ngân sách địa phương 800 triệu đồng)

- Thời gian thực hiện 2023 – 2025.

- Nhu cầu kinh phí: 24.611 triệu đồng,

+ Kinh phí đã đề nghị hỗ trợ, huy động 9.541,2 triệu đồng.

+ Kinh phí cần tiếp tục huy động, đề nghị hỗ trợ: 5.800 triệu đồng.

Phân đầu đến cuối năm 2023 xã hoàn thành tiêu chí.

2.2. Thủy lợi và phòng chống thiên tai (tiêu chí số 3)

Thực hiện duy trì đạt chuẩn tiêu chí; thường xuyên quan tâm chỉ đạo 04 tổ thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả; chỉ đạo tổ thủy lợi cơ sở thường xuyên kiểm tra để có biện pháp duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi.

2.3. Điện (tiêu chí số 4)

Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp để duy trì đạt chuẩn. Thường xuyên vận động, hướng dẫn người dân sử dụng điện an toàn, hiệu quả.

2.4. Giáo dục (tiêu chí số 5)

Quan tâm, đề nghị cấp trên đề đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để Trường Tiểu học & Trung học cơ sở Trạm lập, Trường Trung học cơ sở & Trung học phổ thông Kon Hà Nừng đạt chuẩn quốc gia trong năm 2024.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và THCS

Thường xuyên quan tâm chỉ đạo Ban Giám đốc cộng đồng học tập xã hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Chỉ đạo các trường xây dựng mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Phấn đấu đến cuối năm 2024 xã hoàn thành tiêu chí số 5 – Giáo dục.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 6)

Thực hiện tốt và duy trì các hoạt động thể dục, thể thao ở các thôn, làng.

Triển khai thực hiện các biện pháp để 100% thôn, làng trên địa bàn xã được công nhận thôn, làng văn hóa. Duy trì làng Hà Nừng đạt chuẩn nông thôn mới và xây dựng kế hoạch xây dựng thôn, làng nông thôn mới để xã có ít nhất 02 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023.

Phấn đấu đến cuối năm 2023 xã hoàn thành tiêu chí.

2.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (tiêu chí số 7)

Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả của Ban Quản lý chợ, đảm bảo cung cấp đầy đủ nhu yếu phẩm cho người dân trên địa bàn xã.

2.7. Thông tin và truyền thông (tiêu chí số 8)

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của UBND xã nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành. Tăng cường tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động hành chính. Quan tâm chỉ đạo các thôn, làng nghiên cứu kinh phí lắp wifi tại nhà văn hóa thôn, làng để tạo điều kiện cho mọi người dân có thể sử dụng mạng wifi miễn phí.

Duy trì hoạt động của Đài truyền thanh xã có hiệu quả, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác cho người dân.

Phấn đấu đến cuối năm 2024 xã hoàn thành tiêu chí.

2.8. Nhà ở dân cư (tiêu chí số 9)

Chỉ đạo công chức Địa chính – Xây dựng phối hợp với trưởng các thôn, làng hướng dẫn, định hướng cho người dân xây dựng nhà ở đảm bảo đúng theo quy hoạch, nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường, phát triển các loại hình kiến trúc mới, hiện đại, phù hợp với phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã và bản sắc của người dân địa phương. Xã hội hóa, khuyến khích, vận động người dân sửa chữa nhà cửa, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ, lắp đặt hệ thống điện thắp sáng đường trục xóm và xây dựng nhà ở đạt chuẩn; đề nghị ngân hàng cho vay vốn, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ.

Phấn đấu đến cuối năm 2023 xã hoàn thành tiêu chí.

3. Kinh tế và tổ chức sản xuất (Tiêu chí số 10, 11, 12, 13)

3.1. Thu nhập (tiêu chí số 10).

Tập trung mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo cơ cấu kinh tế của xã: Nông lâm nghiệp, Thương mại – Dịch vụ. Xác định cây trồng chủ lực trên địa bàn xã để khuyến khích, vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Triển khai đồng bộ và có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và đảm bảo an toàn thực phẩm.

Vận động người dân lập hồ sơ, thủ tục mạnh dạn đăng ký thương hiệu cho mặt hàng nông sản của mình nhằm nâng cao giá trị cho các sản phẩm nông sản, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Vận động người dân tích cực tham gia thành lập các tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tìm đầu ra cho sản phẩm nhằm nâng cao giá trị nông sản cho người dân.

Rà soát các mô hình, dự án đã được tiến hành có hiệu quả trên địa bàn để lựa chọn nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên địa bàn.

Phấn đấu đến cuối năm 2025 thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã đạt 64 triệu đồng/người/năm.

3.2. Nghèo đa chiều (tiêu chí 11)

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn; tập trung các giải pháp để giúp đỡ, hỗ trợ đối tượng hộ nghèo, hộ có nguy cơ tái nghèo, nguy cơ phát sinh nghèo.

Gắn việc triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội với triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Thường xuyên thực hiện, rà soát tìm hiểu các nguyên nhân nghèo, qua đó có giải pháp thích hợp, hỗ trợ tác động. Đồng thời, tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả.

Tăng cường giáo dục, tuyên truyền để người nghèo nhận thức và có quyết tâm thoát nghèo. Thực hiện tốt chính sách tín dụng đối với người nghèo, hộ nghèo.

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xã triển khai thực hiện tốt cuộc vận động *"làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững"*, *"phụ nữ giúp nhau thoát nghèo bền vững"*....

Phấn đấu đến cuối năm 2025 xã hoàn thành tiêu chí.

3.3. Lao động (tiêu chí số 12)

Thường xuyên rà soát, khảo sát xác định nhu cầu lao động cần được đào tạo, ngành nghề đào tạo trên địa bàn; để vận động người dân trong độ tuổi lao động tham gia đăng ký học các lớp nghề. Qua đó phối hợp với Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp.

Phấn đấu đến cuối năm 2024 xã hoàn thành tiêu chí số 12.

3.4. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (tiêu chí số 13).

Tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã tham gia vào các chương trình, dự án sản xuất và đầu tư bằng nhiều hình thức như: xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

Tổ chức thành lập tổ khuyến nông xã để có biện pháp khuyến khích, giúp đỡ người dân trong công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật.

Triển khai vận động người dân tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, duy trì hệ thống tưới nước nhỏ giọt; chủ động đăng ký thương hiệu cho các sản phẩm nông sản của mình.

Xây dựng được mô hình sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã và được thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Có biện pháp phát triển, quảng bá sản phẩm, đưa các sản phẩm nông sản của xã thực hiện buôn bán qua sàn thương mại điện tử. Xác định vùng nguyên liệu tập trung đối với cây cà phê, mắc ca để hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục cần thiết để xã được cấp mã vùng đối với vùng nguyên liệu của cây cà phê, mắc ca.

Xây dựng mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).

Phấn đấu đến cuối năm 2024 xã hoàn thành tiêu chí 13.

4. Văn hóa – Xã hội - Môi trường (tiêu chí số 14, 15, 16, 17, 18)

4.1. Y tế (tiêu chí 14)

Tuyên truyền, vận động người dân tham gia mua bảo hiểm y tế để đảm bảo quyền lợi trong việc khám, chữa bệnh. Đề phấn đấu đến cuối năm 2024 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã đạt $\geq 95\%$.

Chỉ đạo ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe người dân hoạt động hiệu quả. Tăng cường chuyển đổi số trong hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người dân. Vận động người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt $\geq 40\%$ và tỷ lệ dân số có sổ khám sức khỏe điện tử $\geq 70\%$ vào cuối năm 2024.

Phấn đấu đến cuối năm 2024 xã hoàn thành tiêu chí 14.

4.2. Hành chính công (tiêu chí 15)

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Nghiên cứu kinh phí bố trí 01 máy tính bàn tại bộ phận Một cửa xã để người dân khi tới giải quyết thủ tục hành chính thực hiện nộp hồ sơ qua môi trường mạng. Đồng thời, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng điện thoại thông minh để nộp hồ sơ trực tuyến, nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

Phấn đấu đến cuối năm 2025 xã hoàn thành tiêu chí.

5.3. Tiếp cận pháp luật (tiêu chí 16)

Xây dựng mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động có hiệu quả nhằm nhân rộng.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hòa giải ở thôn, làng. Kịp thời phát hiện, xử lý các mâu thuẫn khi mới phát sinh ngay từ các thôn, làng.

Định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân để người dân nắm được chính sách pháp luật của Nhà nước.

Phấn đấu đến cuối năm 2023 xã hoàn thành tiêu chí 16.

5.4. Môi trường và chất lượng môi trường sống

Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh; thường xuyên tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm của các cơ sở kinh doanh các mặt hàng thực phẩm và chủ các hộ kinh doanh được tập huấn về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tổ chức thành lập thêm tổ thu gom xử lý rác thải; hướng dẫn người dân phân loại rác thải ngay tại nhà để thuận tiện trong khâu xử lý rác thải; thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp.

Xây dựng phương án thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng để có biện pháp xử lý kịp thời.

Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nghĩa trang theo đúng quy hoạch. Vận động, khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.

Quản lý tốt công tác quy hoạch đất trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ cây xanh tại khu vực công cộng theo quy định. Triển khai thực hiện cuộc vận động "*xây dựng gia đình 5 không 3 sạch*", các mô hình "*con đường hoa*", "*hàng rào xanh*", "*ngày chủ nhật xanh – sạch – đẹp*"...

Vận động người dân xây dựng các công trình nhà tiêu đảm bảo vệ sinh môi trường và đúng theo quy định. Vận động các hộ chăn nuôi xây dựng chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường.

Triển khai có hiệu quả hoạt động của các công trình nước tự chảy, đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân theo quy định.

Phấn đấu đến cuối năm 2024 xã hoàn thành tiêu chí số 18 – chất lượng môi trường sống và năm 2025 xã hoàn thành tiêu chí số 17 về môi trường.

6. Quốc phòng, an ninh (tiêu chí 19)

Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp để duy trì đạt chuẩn tiêu chí như:

Xây dựng lực lượng dân quân "*vững mạnh, rộng khắp*" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống nhằm làm thất bại âm mưu, diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững chủ quyền quốc gia, dân tộc, ngăn chặn, từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội cờ bạc, ma túy, mê tín dị đoan, vi phạm an toàn giao thông... gìn giữ nông thôn bình yên.

Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an về quy định khu dân cư xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn "*an toàn về an ninh trật tự*".

Phát hiện kịp thời để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh trật tự trên địa bàn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống cháy, nổ và phòng ngừa tai nạn lao động nghiệp trọng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm Ban quản lý:

- Tổ chức tuyên truyền, học tập nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- Thực hiện cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư*" gắn với cuộc vận động thay đổi nếp nghĩ các làm trong đồng bào DTTS, xây dựng NTM theo hướng dẫn của Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

- Kịp thời chỉ đạo các thành viên nêu cao tinh thần trách nhiệm gắn kết cộng đồng dân cư với phong trào chung sức chung lòng xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng NTM của xã, lấy ý kiến các cộng đồng dân cư trong toàn xã và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động thực thi các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

- Quản lý và triển khai thực hiện các dự án, nội dung ban gồm việc thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao và đưa dự án vào khai thác, sử dụng.

- Ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng hoặc cá nhân cung cấp hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

2. Trách nhiệm của Mặt trận và các đoàn thể

- **Đối với MTTQVN:** Phối hợp với Ban quản lý thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới xây dựng phương án huy động đóng góp bằng nhiều hình thức: Hiến đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất, vật liệu, tay nghề, kinh nghiệm sản xuất ngày công lao động, bằng tiền.... để đầu tư cơ sở hạ tầng – xã hội, phát triển sản xuất kinh doanh gắn với thực hiện cuộc vận động "*thay đổi nếp nghĩ cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số*", Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư*" gắn với thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới về văn hóa; Phối hợp với UBND xã phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, các ban ngành, thôn, làng làm tốt; định kỳ sơ kết, tổng kết phong trào thi đua khen thưởng, đề nghị khen thưởng cá nhân, hộ gia đình, cơ quan, đơn vị làm tốt chương trình xây dựng nông thôn mới.

- **Đối với Hội nông dân xã:** Phối hợp xây dựng phương án hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, vận động, huy động hội viên, nông dân góp ngày công lao động, kinh nghiệm sản xuất, bằng tiền, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất gắn với phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, thực hiện đạt và vượt tiêu chí về thu nhập, tạo động lực để thực hiện hoàn thành các tiêu chí khác.

- **Đối với Hội phụ nữ xã:** Phối hợp vận động mỗi hộ gia đình, cá nhân tự chỉnh trang nhà cửa, tường rào cổng ngõ, vườn khang trang, gắn với phụ nữ xây dựng gia đình "*5 không – 3 sạch*" (*Gia đình không đói nghèo, không vi phạm pháp*

luật, không tệ nạn xã hội, không sinh con thứ 3 trở lên, không có trẻ em suy dinh dưỡng và không có bỏ học; sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).

- **Đối với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã:** Xây dựng lực lượng tình nguyện đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn, đường làng, ngõ xóm, khu dân cư, tham gia tổ nhóm thợ kỹ thuật, lao động phổ thông trong thanh niên thi công các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn, phối hợp với Hội nông dân xây dựng nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, phát huy sáng kiến kinh nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất – kinh doanh. Triển khai thực hiện tốt phong trào "Ngày chủ nhật xanh".

- **Đối với Hội cựu chiến binh và Hội người cao tuổi xã:** Hội cựu chiến binh chủ trì phối hợp với Hội người cao tuổi và các đoàn thể khác thực hiện chức năng giám sát thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao toàn diện trên các lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất ngành nghề nông thôn, rà soát các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

3. Ban phát triển thôn, làng.

- Tổ chức họp dân để tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, phương pháp; các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, cộng đồng thôn, làng trong quá trình xây dựng NTM nâng cao. Triệu tập các cuộc họp, tập huấn đối với người dân theo đề nghị của các cơ quan tư vấn, tổ chức hỗ trợ nâng cao năng lực của người dân và cộng đồng về phát triển nông thôn.

- Tổ chức quản lý các công trình hạ tầng do Ban quản lý xã giao; cải tạo hệ thống thoát nước, trồng cây xanh nơi công cộng, xử lý rác thải.

- Tổ chức các hoạt động văn nghệ thể dục thể thao, chống các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa trong phạm vi thôn, làng và tham gia các phong trào thi đua do xã phát động.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ người nghèo và giúp đỡ nhau phát triển kinh tế tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua giữa các xóm, các hộ tập trung cải tạo ao vườn, chỉnh trang công ngõ, tường rào để có cảnh quan đẹp. Tổ chức hướng dẫn và quản lý vệ sinh môi trường trong thôn, làng.

- Tự giám sát cộng đồng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn thôn, làng. Thành lập các nhóm quản lý vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình sau khi nghiệm thu bàn giao.

- Đảm bảo an ninh trật tự thôn xóm; xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, nội quy phát triển thôn, làng.

4. Trách nhiệm của từng thành viên Ban quản lý, Ban giám sát cộng đồng

- Trưởng Ban quản lý chịu trách nhiệm chung; phân công trách nhiệm cho từng thành viên nhằm hoàn thành các tiêu chí trong năm 2025.

- Phó trưởng Ban quản lý chịu trách nhiệm tham mưu cho Trưởng ban xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát đôn đốc các thành viên thực hiện.

- Trưởng Ban giám sát chịu trách nhiệm giám sát đôn đốc các thành viên thực hiện.

- Công chức chuyên môn (*Thành viên Ban quản lý*) chủ trì, phối hợp với các thành viên liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ.

+ Công chức VH - XH và Chủ nhiệm trung tâm văn hóa xã: Chịu trách nhiệm nội dung tiêu chí: Tiêu chí số 5 - Giáo dục, tiêu chí số 6 – Văn hóa, Tiêu chí số 8 thông tin truyền thông.

+ Công chức LĐ - TB & XH phối hợp với Trạm Y tế xã, các thôn làng: Tiêu chí số 11 – Nghèo đa chiều, tiêu chí số 12 – lao động, tiêu chí số 14 – Y tế.

+ Công chức Địa chính – Xây dựng chịu trách nhiệm nội dung tiêu chí: số 1 – Quy hoạch, số 2 - Giao thông, tiêu chí số 7 – cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, số 9 – nhà ở dân cư, số 17 – môi trường, số 18 – chất lượng môi trường sống.

+ Công chức Địa chính – Nông nghiệp & Môi trường chịu trách nhiệm nội dung tiêu chí: Số 3 – thủy lợi và phòng chống thiên tai, số 10 – Thu nhập, số 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

+ Công chức Tư pháp – Hộ tịch chịu trách nhiệm nội dung tiêu chí: Số 15 – hành chính công, số 16 – Tiếp cận pháp luật.

+ Công an, xã đội: Chịu trách nhiệm nội dung tiêu chí số 19 – Quốc phòng, an ninh.

+ Công chức Văn phòng – Thống kê chịu trách nhiệm tổng hợp, tham mưu khen thưởng.

V. Đề xuất kiến nghị

- UBND xã đề nghị hỗ trợ đầu tư nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng để duy tu, bảo dưỡng; Nguồn vốn chính trang các tuyến đường (*xây dựng hệ thống thoát nước*).

- UBND xã đề nghị các cấp quan tâm kêu gọi các Doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp nâng cao giá trị sản phẩm.

- UBND xã đề nghị quan tâm tăng vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm để đầu tư thúc đẩy sản xuất. Đặc biệt là khâu thu hoạch chế biến nông sản sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất, tăng giá trị hàng hóa, tăng thu nhập.

Trên đây là nội dung kế hoạch Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn xã Sơn Lang./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng NN và PTNT huyện;
- TT Đảng ủy,
- TT HĐND xã;
- Mặt trận, các đoàn thể xã;
- Các thôn, làng;
- Lưu: Văn phòng;.

Nguyễn Văn Cường